TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19-6-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Ngọc Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Minh;

Ông Lê Văn Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 468/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị H; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn H; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 02 năm 2023 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2007. Sau khi kết hôn anh chị sống cùng nhau tại Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, không có sự chia sẻ quan tâm nhau, anh H

chơi bời, nghiện ma túy khiến kinh tế gia đình trở nên khó khăn. Tháng 5 năm 2016, chị đưa 2 con ra ngoài ở riêng không sống chung với anh H. Chị thấy vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện A giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn H. Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Trần Mai T, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2009 và Trần Đức D, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2010. Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con. Chị và anh H tự thỏa thuận về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Trần Văn H trình bày: Thống nhất với chị H về thời gian, điều kiện kết hôn và mâu thuẫn, thời điểm ly thân vợ chồng như chị H trình bày. Anh nghiện ma túy, đã đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 02 thành phố Hải Phòng đến năm 2022 trở về địa phương. Anh không đồng ý ly hôn. Trường hợp ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con Trần Mai T, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2009 cho bố mẹ của anh nuôi dưỡng do sức khỏe anh còn yếu, thu nhập không ổn định.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp, hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên toà được mở đúng thời hạn; Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Tình cảm vợ chồng không còn, bất đồng quan điểm sống, không cảm thông chia sẻ, không còn khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn nguyên nhân anh H chơi bời, nghiện ma túy, vợ chồng ly thân từ tháng 5-2016 đến nay. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trần Văn H; về con chung: Giao cháu Trần Mai T, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2009 và Trần Đức D, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2010 cho chị Phạm Thị H nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Trần Văn H. Anh Trần Văn H hiện đang sinh sống tại Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng ngày 26 tháng 12 năm 2007 được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh H chời bời dẫn đến nghiện ma túy. Chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn H. Anh H đồng ý ly hôn căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh H.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn H có 02 con chung là Trần Mai T, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2009 và Trần Đức D, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2010. Xét chị H hiện đang làm việc tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn C thu nhập trung bình 10 triệu đồng/tháng, chị được bố mẹ đẻ cho một diện tích đất tại xã T, chị đã xây nhà để 3 mẹ con ở. Từ khi anh H đi cai nghiện bắt buộc đến nay chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con, các cháu được đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và học tập đầy đủ. Hai cháu Trần Mai T và Trần Đức D có đơn xin được ở với chị H. Anh H không cung cấp được chứng cứ về điều kiện nuôi con theo yêu cầu của Tòa án. Theo xác minh hiện tại anh H không có việc làm ổn định, sức khỏe yếu, việc sinh hoạt hàng ngày còn phải nhờ bố mẹ anh H chăm lo. Vì vậy, việc giao hai con Trần Mai T, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2009 và Trần Đức D, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2010 và chị H trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết và đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và học tập của các cháu. Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trần Văn H.

Về con chung: Giao con Trần Mai T, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2009 và Trần Đức D, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2010 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phạm Thị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001472 ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng, nên chị Phạm Thị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện A;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Sinh